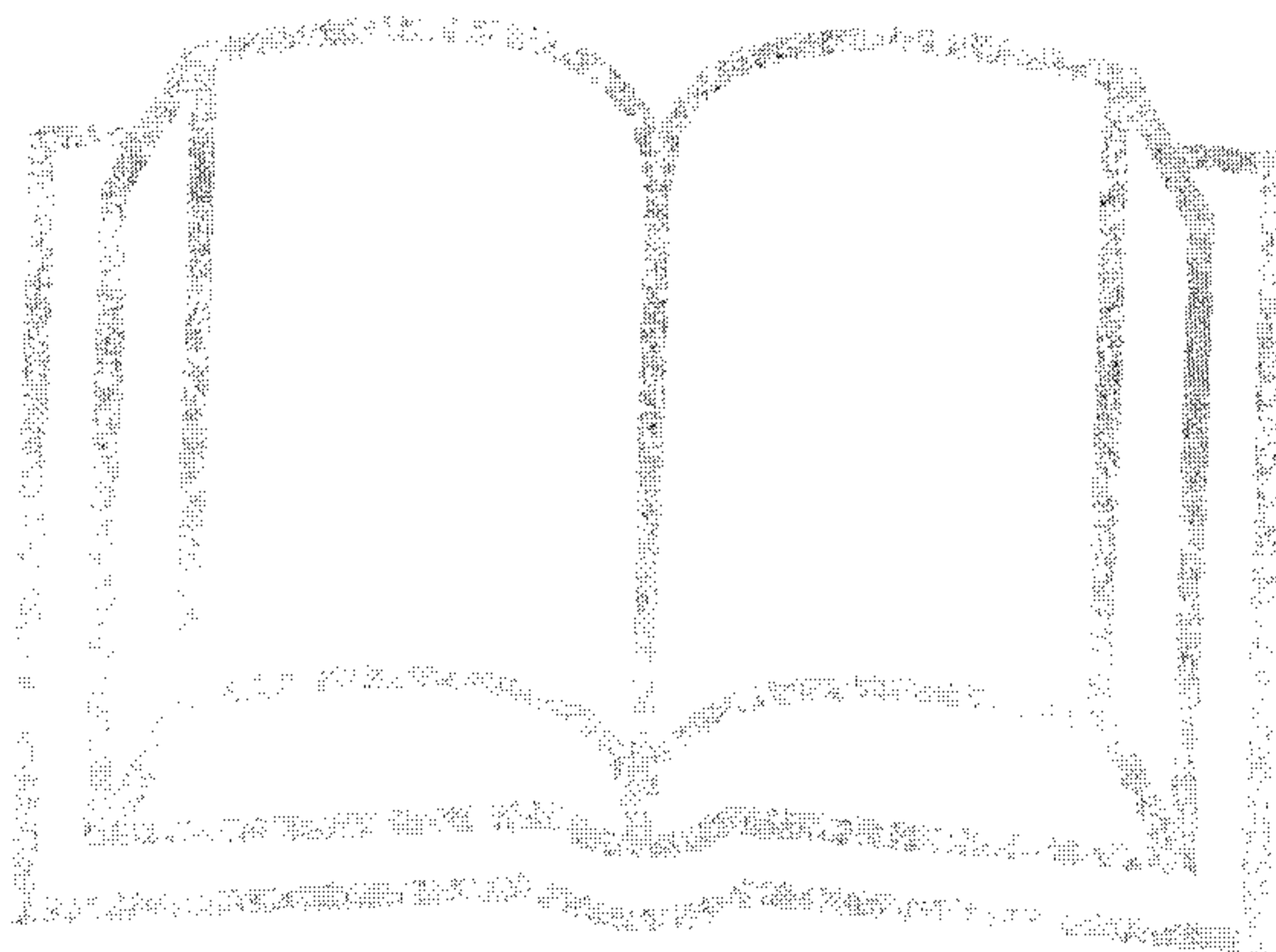




**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT  
QUÍ I NĂM 2012  
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH (MÃ CK:HMH)**



**Tp.HCM, ngày 20.05.2012.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 2, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Quý 1/2012)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>78.209.974.208</b>	<b>98.148.791.450</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>32.830.247.859</b>	<b>57.678.932.405</b>
1. Tiền	111		16.016.525.255	14.965.209.801
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.813.722.604	42.713.722.604
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.280.556.112</b>	<b>38.449.487.201</b>
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	28.713.759.387	34.047.030.454
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	415.265.343	2.491.011.668
5. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	13.244.531.382	2.004.445.079
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(93.000.000)	(93.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>321.560.182</b>	<b>349.309.487</b>
Hàng tồn kho	141		321.560.182	349.309.487
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.777.610.055</b>	<b>1.671.062.357</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.5	535.085.534	156.378.574
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		925.159.461	390.857.176
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6	1.317.365.060	1.123.826.607
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>131.511.431.521</b>	<b>102.161.449.050</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.542.987.596</b>	<b>38.624.990.426</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	39.221.842.032	37.504.990.426
<i>Nguyên giá</i>	222		75.242.874.799	71.665.621.693
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(36.021.032.767)	(34.160.631.267)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	1.120.000.000	1.120.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		1.137.000.000	1.137.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(17.000.000)	(17.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		201.145.564	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>VI.9</b>	<b>85.747.391.973</b>	<b>57.881.716.481</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		78.947.391.973	51.081.716.481
2. Đầu tư dài hạn khác	258		6.800.000.000	6.800.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.694.514.770</b>	<b>1.942.597.741</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.10	1.426.221.912	1.674.304.883
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.11	268.292.858	268.292.858
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>3.526.537.182</b>	<b>3.712.144.402</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>209.721.405.729</b>	<b>200.310.240.500</b>

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 2, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>41.489.245.006</b>	<b>36.321.956.246</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>41.315.171.953</b>	<b>36.087.593.525</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.12	18.373.238	342.563.969
2. Phải trả người bán	312	VI.13	22.297.183.590	22.119.769.829
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.14	312.516	5.589.260
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	4.758.966.465	4.917.319.830
5. Phải trả người lao động	315		410.644.802	1.136.510.442
6. Chi phí phải trả	316		12.061.965	16.450.000
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	VI.16	5.437.165.501	6.653.180.700
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.879.311.818	495.264.372
9. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323		6.501.152.058	400.945.123
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>174.073.053,00</b>	<b>234.362.721</b>
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		174.073.053	234.362.721
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>164.901.124.323</b>	<b>160.635.027.819</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VI.17</b>	<b>164.901.124.323</b>	<b>160.635.027.819</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		73.574.960.000	73.574.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.928.510.000	1.928.510.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.571.898.630)	(4.571.898.630)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.051.360.115	2.051.360.115
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.375.997.936	3.168.311.136
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		87.542.194.902	84.483.785.198
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. Lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>3.331.036.400</b>	<b>3.353.256.435</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>209.721.405.729</b>	<b>200.310.240.500</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ngoại tệ các loại:	05			
- Dollar Mỹ (USD)			7.239,05	29.253,00
- Dollar Singapore (SGD)			402,18	1.750,00

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012



**NGUYỄN QUỐC HÙNG**  
Giám đốc

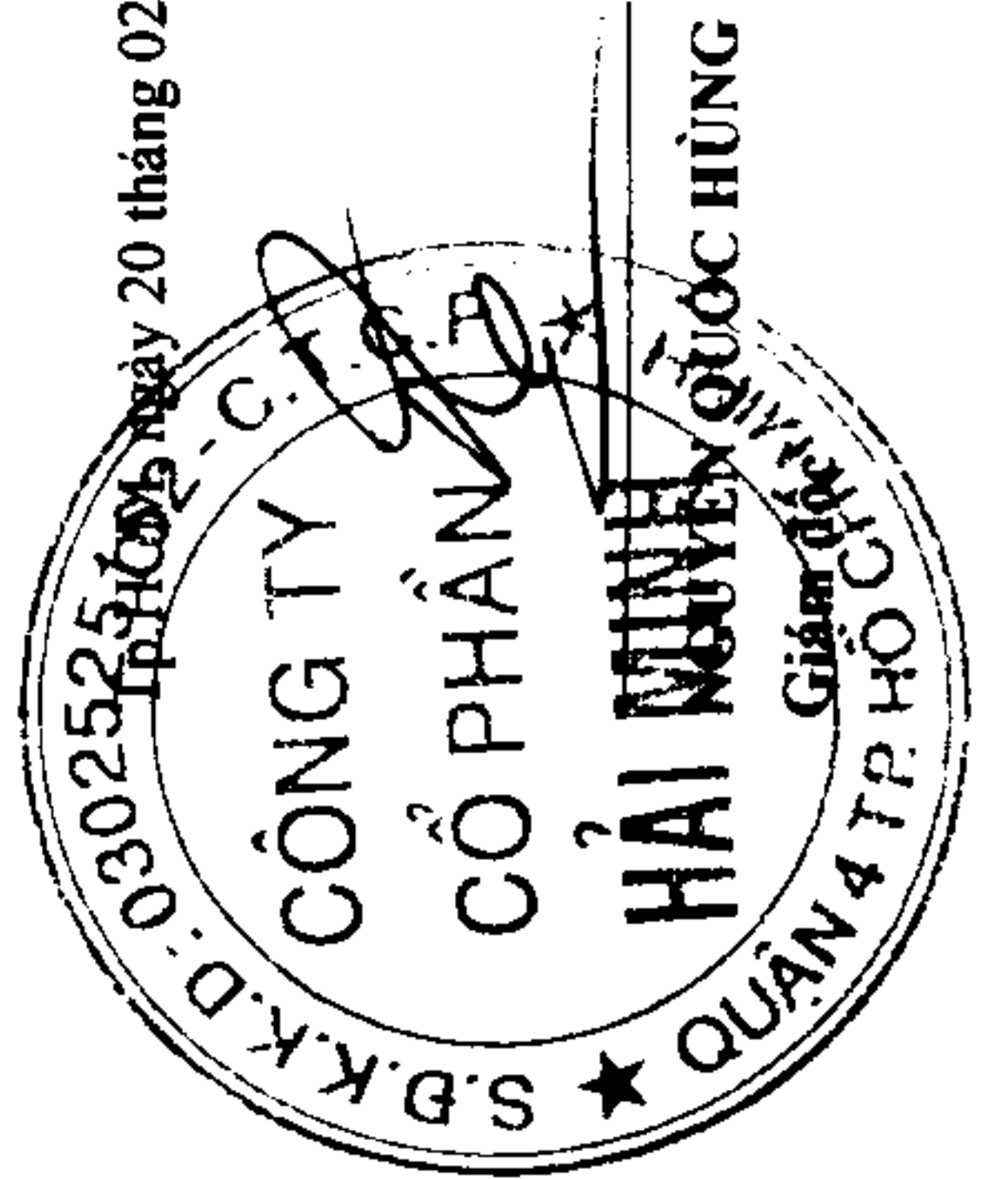
**NGUYỄN THẾ HÙNG**  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 2, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Quý I/2012)  
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2012	Quý I/2011	Lũy kế từ đầu năm 2012	Lũy kế từ đầu năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	24.263.249.065	25.442.731.629	24.263.249.065	25.442.731.629
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.2	24.263.249.065	25.442.731.629	24.263.249.065	25.442.731.629
4 Giá vốn hàng bán	11		19.157.672.430	18.449.592.245	19.157.672.430	18.449.592.245
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.105.576.635	6.993.139.384	5.105.576.635	6.993.139.384
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	1.746.907.148	1.482.269.180	1.746.907.148	1.482.269.180
7 Chi phí tài chính	22	VII.4	17.838.294	14.457.483	17.838.294	14.457.483
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý kinh doanh	25	VII.5	2.653.180.720	2.500.135.257	2.653.180.720	2.500.135.257
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.181.464.769	5.960.815.824	4.181.464.769	5.960.815.824
11 Thu nhập khác	31	VII.6	245.921.480	218.181.818	245.921.480	218.181.818
12 Chi phí khác	32	VII.7	141.135.094	48.334.000	141.135.094	48.334.000
13 Lợi nhuận khác	40		104.786.386	169.847.818	104.786.386	169.847.818
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		3.552.967.285	6.036.295.318	3.552.967.285	6.036.295.318
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.839.218.440	12.166.958.960	7.839.218.440	12.166.958.960
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		1.038.985.025	1.577.965.961	1.038.985.025	1.577.965.961
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.800.233.415	10.588.992.999	6.800.233.415	10.588.992.999
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(19.911.603)	134.384.682	(19.911.603)	134.384.682
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ <i>Trong đó</i>	62		6.820.145.018	10.454.608.317	6.820.145.018	10.454.608.317
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân</i>			6.964.806	5.439.072	6.964.806	5.439.072
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.8	979	1.922	979	1.922

Số KĐ: 0302525  
 TP.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN THẾ HUNG  
 Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 2, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

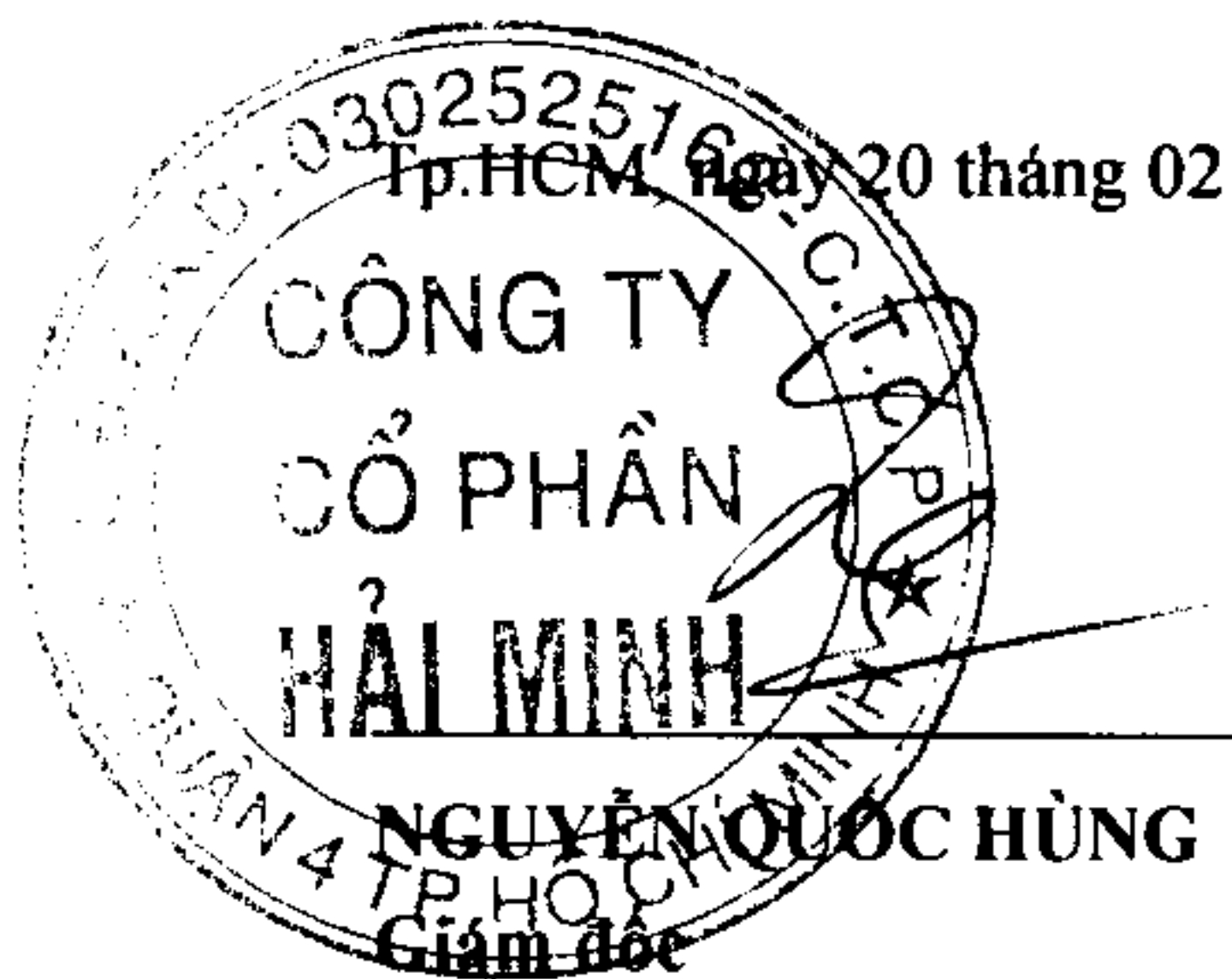
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm 2012	Lũy kế từ đầu năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	7.839.218.440	12.166.958.960
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			(3.700.009.187)
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.254.080.730	2.336.286.131
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	143.472.584	(6.036.295.318)
- Chi phí lãi vay	06	37.663.313	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	10.274.435.067	8.466.949.773
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.373.302.429)	(2.458.836.819)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	27.749.305	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	5.911.185.211	(2.486.984.934)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(130.623.989)	123.725.228
- Tiền lãi vay đã trả	13	(37.663.313)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(901.693.839)	(5.365.749.988)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.761.735.314)	(1.035.396.596)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	7.008.350.699	2.756.293.336
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.315.550.484)	(1.360.474.544)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	218.181.818
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(27.865.675.492)	-
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	6.036.295.318
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(32.181.225.976)	4.894.002.592
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(2.276.289.105)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	324.190.731	(90.511.104)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.624.645.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	324.190.731	4.991.445.209
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	(24.848.684.546)	(2.853.735.953)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	57.678.932.405	38.225.431.179
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	32.830.247.859	35.371.695.226



Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2012

NGUYỄN THẾ HÙNG  
Kế toán trưởng

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 2, Tòa nhà Đinh Lễ, 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản Xuất – Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

#### 4. Công ty con, Công ty liên kết

*Công ty con được hợp nhất:*

##### **Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát**

Địa chỉ: Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, Thành phố Hải Phòng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

##### **Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng**

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

##### **Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam**

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

*Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:*

##### **Công ty TNHH "K" Line Việt Nam**

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 2, Tòa nhà Đinh Lễ, 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2012

---

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

### **Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh**

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

### **Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh**

Địa chỉ : Km 0+200, Đường Đinh Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 12,09%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 12,09%

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

#### **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 01/01/2012 là: 20.828 VND/USD

Ngày 30/03/2012 là: 20.828 VND/USD

Ngày 30/03/2012 là: 16.717 VND/SGD

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

### **2. Hình thức kế toán áp dụng**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2012

---

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

### **IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

### **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

#### **4. Hàng tồn kho**

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

#### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

#### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2012

---

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Website của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

### 8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

### 10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### 12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2012

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

### 15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>(a) Tiền mặt</b>	<b>1.657.681.178</b>	<b>2.300.145.036</b>
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>412.365.044</i>	<i>317.144.525</i>
Tiền VND	376.562.616	281.342.097
SGD	6.434.948	6.434.948
USD	29.367.480	29.367.480
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>460.455.400</i>	<i>660.226.352</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>748.941.693</i>	<i>1.201.066.692</i>
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>35.919.041</i>	<i>121.707.467</i>
<b>(b) Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>31.172.566.681</b>	<b>55.378.787.369</b>
Tiền VND	7.219.963.018	2.809.042.986
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>1.176.135.651</i>	<i>691.283.158</i>
<i>Công ty CP chứng khoán ANPHA-APSC</i>	<i>9.113.713</i>	<i>9.113.713</i>
<i>Công ty TNHH chứng khoán NHNN&amp;PTNT</i>	<i>1.258.312</i>	<i>1.258.312</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2012

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân Hàng BIDV</i>	851.220.863	168.191.322
<i>Ngân Hàng TMCP Hàng Hải (MSB)</i>	307.836.190	506.053.761
<i>Ngân Hàng TNHH Indovina (IVB)</i>	6.706.573	6.666.050
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</b>	<b>5.718.842.728</b>	<b>1.237.225.319</b>
<b>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</b>	<b>-</b>	<b>549.557.361</b>
<b>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</b>	<b>324.984.639</b>	<b>330.977.148</b>
<b>Tiền USD quy đổi sang VND</b>	<b>139.835.013</b>	<b>1.856.021.779</b>
<b>Công ty Cổ phần Hải Minh</b>	<b>139.835.013</b>	<b>1.852.945.210</b>
<i>Ngân Hàng BIDV</i>	19.749.946	85.348.213
<i>Ngân Hàng TMCP Hàng Hải (MSB)</i>	85.100.998	1.751.236.215
<i>Ngân Hàng TNHH Indovina (IVB)</i>	34.984.069	16.360.782
<b>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</b>	<b>-</b>	<b>3.076.569</b>
<b>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>23.812.768.650</b>	<b>50.713.722.604</b>
<b>Công ty Cổ phần Hải Minh</b>	<b>16.500.000.000</b>	<b>32.000.000.000</b>
<i>Ngân Hàng TMCP Hàng Hải (MSB)</i>	16.500.000.000	32.000.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	6.999.046.046	10.600.000.000
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	313.722.604	113.722.604
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>32.830.247.859</b>	<b>57.678.932.405</b>
<b>2. Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Hải Minh	9.812.345.899	15.962.042.588
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	7.230.683.933	5.690.006.699
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	9.660.230.435	10.377.657.732
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	2.010.499.120	2.017.323.435
<b>Cộng</b>	<b>28.713.759.387</b>	<b>34.047.030.454</b>
<b>3. Trả trước cho người bán</b>		
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	223.065.343	2.298.811.668
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	192.200.000	192.200.000
<b>Cộng</b>	<b>415.265.343</b>	<b>2.491.011.668</b>
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>		
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	832.330.377	1.362.612.549
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	4.306.665.903	73.598.197
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	7.888.990.438	308.272.265
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	216.544.664	259.962.068
<b>Cộng</b>	<b>13.244.531.382</b>	<b>2.004.445.079</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2012

**5. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	351.883.492	121.207.823
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	116.953.906	8.182.706
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	66.248.136	26.988.045
<b>Cộng</b>	<b><u>535.085.534</u></b>	<b><u>156.378.574</u></b>

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

Công ty Cổ phần Hải Minh	261.577.385	283.645.877
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	587.208.812	351.864.900
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	328.559.158	351.513.625
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	140.019.705	136.802.205
<b>Cộng</b>	<b><u>1.317.365.060</u></b>	<b><u>1.123.826.607</u></b>

**7. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>
<b>I Nguyên giá</b>					
1 Số đầu năm	17.610.397.821	7.630.869.752	45.642.173.368	782.180.752	71.665.621.693
2 Tăng trong kỳ	-	-	4.082.159.465	32.245.455	4.114.404.920
3 Giảm trong kỳ	-	-	537.151.814	-	537.151.814
<b>4 Số cuối kỳ</b>	<b><u>17.610.397.821</u></b>	<b><u>7.630.869.752</u></b>	<b><u>49.187.181.019</u></b>	<b><u>814.426.207</u></b>	<b><u>75.242.874.799</u></b>
<b>II Hao mòn lũy kế</b>					-
1 Số đầu năm	7.634.266.445	5.641.387.091	20.315.087.539	569.890.192	34.160.631.267
2 Tăng trong kỳ	435.154.539	315.730.683	1.477.969.523	25.225.985	2.254.080.730
3 Giảm trong kỳ	-	-	393.679.230	-	393.679.230
<b>4 Số cuối kỳ</b>	<b><u>8.069.420.984</u></b>	<b><u>5.957.117.774</u></b>	<b><u>21.399.377.832</u></b>	<b><u>595.116.177</u></b>	<b><u>36.021.032.767</u></b>
<b>III Giá trị còn lại</b>					-
1 Số đầu năm	9.976.131.376	1.989.482.661	25.327.085.829	212.290.560	37.504.990.426
<b>2 Số cuối kỳ</b>	<b><u>9.540.976.837</u></b>	<b><u>1.673.751.978</u></b>	<b><u>27.787.803.187</u></b>	<b><u>219.310.030</u></b>	<b><u>39.221.842.032</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 2, Tòa nhà Đinh Lễ, 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2012

**8. Tăng, giảm TSCĐ vô hình**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tài sản cố định vô hình-Phần mềm máy tính</i>		<i>Cộng tài sản vô hình</i>
		<i>Quyền sử dụng đất</i>	
<b>I Nguyên giá</b>			
1 Số đầu năm	17.000.000	1.120.000.000	1.137.000.000
2 Tăng trong kỳ	-	-	-
3 Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>4 Số cuối kỳ</b>	<b>17.000.000</b>	<b>1.120.000.000</b>	<b>1.137.000.000</b>
<b>II Hao mòn lũy kế</b>			
1 Số đầu năm	17.000.000	-	17.000.000
2 Tăng trong kỳ	-	-	-
3 Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>4 Số cuối kỳ</b>	<b>17.000.000</b>		<b>17.000.000</b>
<b>III Giá trị còn lại</b>			
1 Số đầu năm	-	1.120.000.000	1.120.000.000
<b>2 Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>1.120.000.000</b>	<b>1.120.000.000</b>

**9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh.	78.947.391.973	50.581.716.481
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>85.747.391.973</b>	<b>57.881.716.481</b>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.092.337.065	1.343.718.036
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	110.034.544	106.736.544
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	223.850.303	223.850.303
<b>Cộng</b>	<b>1.426.221.912</b>	<b>1.674.304.883</b>

**11. Tài sản dài hạn khác**

Công ty Cổ phần Hải Minh	215.680.858	215.680.858
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	3.212.000	3.212.000
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	49.400.000	49.400.000
<b>Cộng</b>	<b>268.292.858</b>	<b>268.292.858</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2012

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ dài hạn đến hạn trả - NH TMCP Kỹ thương CN HP (EUR) (*)	18.373.238	342.563.969
<b>Cộng</b>	<b>18.373.238</b>	<b>342.563.969</b>

**Hợp đồng hạn mức tín dụng số 122009 HĐTD/SME-DN/TCBHP-HM ngày 11/02/2010:**

- Số tiền vay : 63.500 EUR;
- Lãi suất vay : 10%/năm, Lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng /lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất tiết kiệm thường tiền EUR 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank - CN HP tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,7 % /năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi bên Techcombank;
- Thời hạn cho vay : 36 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên;
- Mục đích vay : Thanh toán tiền cho nhà cung cấp đầu vào mua 02 xe ô tô đầu kéo sơ mi rơ mooc.
- Tài sản đảm bảo : Xe nâng Reach Stacker Kalmar đã qua sử dụng, sản xuất năm 2004.

**Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 4087 ngày 11/02/2010:**

- Số tiền vay : 38.000 EUR;
- Lãi suất vay : 10%/năm, Lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng /lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất tiết kiệm thường tiền EUR 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank - CN HP tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,7 % /năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi bên Techcombank;
- Thời hạn cho vay : 36 tháng kể từ ngày 11/02/2010 đến 11/02/2013;
- Mục đích vay : Thanh toán tiền nhập khẩu xe nâng Kalmar theo LC số TF 0932101003/HPG mở ngày 17/11/2009.

Tài sản đảm bảo: Xe nâng Reach Stacker Kalmar đã qua sử dụng, sản xuất năm 2004.

**13. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	14.034.922.972	15.999.626.923
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	3.519.943.323	2.166.286.706
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	4.141.179.395	3.517.578.400
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	601.137.900	436.277.800
<b>Cộng</b>	<b>22.297.183.590</b>	<b>22.119.769.829</b>

**14. Người mua trả trước**

Công ty Cổ phần Hải Minh	6	5.589.260
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	312.510	-
<b>Cộng</b>	<b>312.516</b>	<b>5.589.260</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2012

**15. Thuế và các khoản phải nộp khác**

Stt	Chỉ tiêu	Phải nộp đầu năm	Phải nộp tăng trong năm	Đã nộp trong năm	Còn phải nộp cuối năm
<b>I</b>	<b>Thuế phải nộp Nhà nước</b>	<b>4.476.860.619</b>	<b>2.131.047.834</b>	<b>2.717.803.222</b>	<b>3.890.105.231</b>
		-			
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	147.993.702	673.500.337	952.988.044	(427.481.409)
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.331.244.503	1.038.985.025	901.693.839	4.468.535.689
3.	Các loại thuế khác	293.609.818	418.562.472	863.121.339	(150.949.049)
	+ Thuế thu nhập cá nhân	243.861.868	269.947.825	708.635.328	(194.825.635)
	+ Thuế môn bài	-	-	10.000.000	(10.000.000)
	+ Thuế nhà thầu	49.747.950	148.614.647	144.486.011	53.876.586
<b>II</b>	<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>49.602.036</b>	<b>-</b>	<b>105.900.263</b>	<b>(56.298.227)</b>
	Các khoản phải nộp khác	49.602.036	-	105.900.263	(56.298.227)
	<b>Cộng</b>	<b>4.526.462.655</b>	<b>2.131.047.834</b>	<b>2.823.703.485</b>	<b>3.833.807.004</b>

**16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

Công ty Cổ phần Hải Minh	4.526.461.324	5.544.093.465
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	347.077.158	417.287.865
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	7.870.225	159.514.876
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	555.756.794	532.284.494
<b>Cộng</b>	<b>5.437.165.501</b>	<b>6.653.180.700</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 2, Tòa nhà Đinh Lễ, 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**17. Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ trước	56.163.800.000	19.339.670.000	(1.901.520.795)	2.051.360.115	2.011.911.136	67.756.119.915	7.492.877	145.428.833.248
Tăng vốn trong kỳ trước	17.411.160.000	-	-	-	-	-	-	17.411.160.000
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	39.830.872.780	-	39.830.872.780
Thuế TNDN năm 2009 được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	(2.670.377.835)	-	-	-	-	(2.670.377.835)
Chia lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(22.376.341.618)	-	(22.376.341.618)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.156.400.000	(726.865.879)	-	429.534.121
Giảm khác	-	(17.411.160.000)	-	-	-	-	(7.492.877)	(17.418.652.877)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>73.574.960.000</b>	<b>1.928.510.000</b>	<b>(4.571.898.630)</b>	<b>2.051.360.115</b>	<b>3.168.311.136</b>	<b>84.483.785.198</b>	<b>-</b>	<b>160.635.027.819</b>
Số dư đầu kỳ	73.574.960.000	1.928.510.000	(4.571.898.630)	2.051.360.115	3.168.311.136	84.483.785.198	-	160.635.027.819
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	6.820.145.018	-	3.267.177.733
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận trong kỳ(*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.207.686.800	(3.761.735.314)	-	(2.554.048.514)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>73.574.960.000</b>	<b>1.928.510.000</b>	<b>(4.571.898.630)</b>	<b>2.051.360.115</b>	<b>4.375.997.936</b>	<b>87.542.194.902</b>	<b>-</b>	<b>161.348.157.038</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 2, Tòa nhà Đinh Lễ, 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**Cổ phiếu**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	<b>7.357.496</b>	<b>7.357.496</b>
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.179.906	7.179.906
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<b>177.590</b>	<b>177.590</b>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	<b>215.100</b>	<b>215.100</b>
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	215.100	215.100
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.357.496	7.357.496
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.964.806	6.964.806
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	177.590	177.590

(\*) *Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.*

**Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Quý 1 năm 2012</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm 2012</b>	<b>Quý 1 năm 2011</b>	<b>lũy kế từ đầu năm 2011</b>
Công ty Cổ phần Hải Minh	6.671.543.097	6.671.543.097	7.224.084.163	7.224.084.163
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	8.299.046.218	8.299.046.218	6.678.386.682	6.678.386.682
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	7.649.211.958	7.649.211.958	9.415.932.170	9.415.932.170
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	1.643.447.792	1.643.447.792	2.124.328.614	2.124.328.614
<b>Cộng</b>	<b>24.263.249.065</b>	<b>24.263.249.065</b>	<b>25.442.731.629</b>	<b>25.442.731.629</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2012

### 2. Giá vốn hàng bán

	Quý 1 năm 2012	Lũy kế từ đầu năm 2012	Quý 1 năm 2011	lũy kế từ đầu năm 2011
Công ty Cổ phần Hải Minh	4.537.988.611	4.537.988.611	4.385.181.313	4.385.181.313
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	4.902.831.370	4.902.831.370	4.907.447.948	4.907.447.948
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	7.829.346.260	7.829.346.260	7.448.827.897	7.448.827.897
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	1.887.506.189	1.887.506.189	1.708.135.087	1.708.135.087
<b>Cộng</b>	<b>19.157.672.430</b>	<b>19.157.672.430</b>	<b>18.449.592.245</b>	<b>18.449.592.245</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.135.524.563	1.135.524.563	1.026.954.967	1.026.954.967
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	275.325.600	275.325.600	153.306.282	153.306.282
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	332.865.265	332.865.265	279.216.436	279.216.436
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	3.191.720	3.191.720	22.791.495	22.791.495
<b>Cộng</b>	<b>1.746.907.148</b>	<b>1.746.907.148</b>	<b>1.482.269.180</b>	<b>1.482.269.180</b>

### 4. Chi phí tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	19.825.019	19.825.019	278.473	278.473
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	37.663.313	37.663.313	14.179.010	14.179.010
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.838.294</b>	<b>17.838.294</b>	<b>14.457.483</b>	<b>14.457.483</b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.310.738.175	1.310.738.175	1.309.697.841	1.309.697.841
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	576.993.809	576.993.809	508.078.612	508.078.612
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	466.386.078	466.386.078	395.906.504	395.906.504
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	299.062.658	299.062.658	286.452.300	286.452.300
<b>Cộng</b>	<b>2.653.180.720</b>	<b>2.653.180.720</b>	<b>2.500.135.257</b>	<b>2.500.135.257</b>

### 6. Thu nhập khác

	Quý 1 năm 2012	Lũy kế từ đầu năm 2012	Quý 1 năm 2011	Lũy kế từ đầu năm 2011
Công ty Cổ phần Hải Minh	100.466.935	100.466.935	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	-	218.181.818	218.181.818
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	-	-
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	145.454.545	145.454.545	-	-
<b>Cộng</b>	<b>245.921.480</b>	<b>245.921.480</b>	<b>218.181.818</b>	<b>218.181.818</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 2, Tòa nhà Đinh Lễ, 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán quý 1 năm 2012

**7. Chi phí khác**

Công ty Cổ phần Hải Minh	-	-	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	-	48.334.000	48.334.000
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	4.800	4.800	-	-
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	141.130.294	141.130.294	-	-
<b>Cộng</b>	<b>141.135.094</b>	<b>141.135.094</b>	<b>48.334.000</b>	<b>48.334.000</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu kỳ				6.964.806
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ				-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ				-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ				6.964.806
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông				6.820.145.018
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>				<b>979</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin khác**

Số liệu đầu năm 2011 của Công ty được thể hiện theo số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư Vấn Đất Việt.

**2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 1/2012 so với quý 1/2011**

Lợi nhuận quý 1/2012 thấp hơn so với quý 1/2011 là do ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế doanh thu sụt giảm ( 0,95% ), chi phí giá vốn lại tăng ( 1,04% ) so với cùng kỳ, hiệu quả từ các đơn vị các đơn vị liên doanh liên kết cũng sụt giảm chi bằng ( 58,85% ) so với cùng kỳ. Dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 1/2012 giảm chỉ đạt ( 64,22% ) so với cùng kỳ năm trước.

Tp. HCM, ngày 20 tháng 05 năm 2012



**NGUYỄN QUỐC HÙNG**  
Giám đốc

**NGUYỄN THẾ HÙNG**  
Kế toán trưởng

